

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: 32/2001/PL-
UBTVQH10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 2001

PHÁP LỆNH

Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi

Để tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi cá nhân trong việc khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi nhằm phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần bảo đảm an toàn xã hội và an ninh quốc gia;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Luật tài nguyên nước;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 8 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2001;

Pháp lệnh này quy định về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Pháp lệnh này áp dụng đối với những công trình thủy lợi đã xây dựng và được đưa vào khai thác.

Việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi có liên quan đến đề điều, công trình phòng, chống lụt, bão, công trình thủy điện, công trình cấp, thoát nước cho đô thị phải tuân theo các quy định của Pháp lệnh này và các quy định của pháp luật về đề

điều, về phòng, chống lụt, bão, về công trình thủy điện, về cấp, thoát nước cho đô thị và pháp luật về tài nguyên nước.

Điều 2

Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Công trình thủy lợi" là công trình thuộc kết cấu hạ tầng nhằm khai thác mặt lợi của nước; phòng, chống tác hại do nước gây ra, bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái, bao gồm: hồ chứa nước, đập, cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, kênh, công trình trên kênh và bờ bao các loại.
2. "Hệ thống công trình thủy lợi" bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về mặt khai thác và bảo vệ trong một khu vực nhất định.
3. "Thủy lợi phí" là phí dịch vụ về nước thu từ tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi cho mục đích sản xuất nông nghiệp để góp phần chi phí cho việc quản lý, duy tu, bảo dưỡng và bảo vệ công trình thủy lợi.
4. "Tiền nước" là giá tiền trong hợp đồng dịch vụ về nước thu từ tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi ngoài mục đích sản xuất nông nghiệp.
5. "Phí xả nước thải" là phí thu từ tổ chức, cá nhân xả nước thải vào công trình thủy lợi để góp phần chi phí cho việc bảo vệ chất lượng nước.
6. "Tổ chức hợp tác dùng nước" là hình thức hợp tác của những người cùng hưởng lợi từ công trình thủy lợi, làm nhiệm vụ khai thác và bảo vệ công trình, phục vụ sản xuất, dân sinh.

Điều 3

1. Việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phải bảo đảm tính hệ thống của công trình, không chia cắt theo địa giới hành chính.
2. Việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được xây dựng từ mọi nguồn vốn đều phải tuân theo quy hoạch, kế hoạch, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật và dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
3. Mỗi hệ thống công trình thủy lợi hoặc công trình thủy lợi phải do một tổ chức hoặc cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ theo quyết định của cơ quan quản lý

nhà nước có thẩm quyền.

4. Tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ công trình thủy lợi có trách nhiệm tham gia xây dựng kế hoạch khai thác và phương án bảo vệ công trình.

5. Công trình thủy lợi được khai thác, sử dụng tổng hợp để phục vụ các ngành kinh tế quốc dân.

6. Việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phải bảo đảm các yêu cầu phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước và các tác hại khác do nước gây ra, bảo đảm an toàn công trình.

7. Căn cứ vào quy mô, ý nghĩa kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh, Chính phủ quy định tiêu chuẩn công trình thủy lợi, hệ thống công trình thủy lợi quan trọng quốc gia.

Điều 4

Nhà nước có chính sách:

1. Ưu tiên đầu tư, hỗ trợ cho việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;
2. Khuyến khích và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vốn, nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;
3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ công trình thủy lợi tham gia khai thác và bảo vệ công trình.

Điều 5

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các biện pháp khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; giám sát, kiểm tra việc thi hành pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện và giám sát việc thi hành pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 6

Cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi cá nhân có trách nhiệm chấp hành các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 7

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng nước, làm dịch vụ từ công trình thủy lợi, xả nước thải vào công trình thủy lợi có trách nhiệm nộp thủy lợi phí, tiền nước, phí xả nước thải cho tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra việc thu, nộp thủy lợi phí, tiền nước, phí xả nước thải trong địa phương.

Điều 8

Nghiêm cấm các hành vi xâm hại đến công trình thủy lợi; chiếm dụng, sử dụng trái pháp luật thủy lợi phí, tiền nước, phí xả nước thải.

Chương II

KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 9

1. Công trình thủy lợi được xây dựng bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước do doanh nghiệp nhà nước quản lý khai thác và bảo vệ, trừ trường hợp quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh này.

2. Công trình thủy lợi được xây dựng bằng nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và vốn đóng góp của tổ chức, cá nhân sử dụng nước do tổ chức hợp tác dùng nước quản lý khai thác và bảo vệ.

3. Công trình thủy lợi được xây dựng bằng vốn của tổ chức, cá nhân do tổ chức, cá nhân đó quản lý khai thác và bảo vệ theo quy định của pháp luật.

Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập tổ chức quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 10

Căn cứ vào quy mô và tính chất của công trình thủy lợi, điều kiện thực tế của từng địa phương, Chính phủ quy định việc giao công trình thủy lợi được xây dựng bằng ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và bảo vệ.

Điều 11

Căn cứ vào Pháp lệnh này và pháp luật có liên quan, Chính phủ quy định chế độ, chính sách, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi quy định tại khoản 3 Điều 9 và Điều 10 của Pháp lệnh này.

Điều 12

1. Doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi và tổ chức hợp tác dùng nước hoạt động theo chế độ công ích trong trường hợp phục vụ sản xuất nông nghiệp.
2. Nhà nước có chính sách ưu tiên cấp kinh phí cho việc tu bổ, nâng cấp công trình thủy lợi ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Điều 13

Doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi và tổ chức hợp tác dùng nước thực hiện việc tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp được Nhà nước cấp kinh phí trong các trường hợp sau:

1. Bơm nước chống úng của các trạm bơm được xây dựng theo quy hoạch và vận hành theo quy trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
2. Bơm nước chống hạn vượt định mức đã quy định;
3. Đại tu, nâng cấp công trình thủy lợi theo dự án đầu tư xây dựng cơ bản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
4. Thủy lợi phí bị thất thu do thiên tai gây mất mùa;
5. Khôi phục công trình thủy lợi bị thiên tai phá hoại theo dự án đầu tư xây dựng cơ bản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Chính phủ quy định cụ thể việc cấp kinh phí đối với các trường hợp quy định tại Điều này.

Điều 14